



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn
Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09
Xét tốt nghiệp (K40SPM)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 180
Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
1	40.0277.K40E	VŨ THỊ LAN ANH	111104621	Nữ	16/04/84	Hà Nội		10			180	2.65			Khá
2	40.1092.K40U	NGUYỄN THỊ BÍCH	111104621	Nữ	02/06/84	Thái nguyên		09			180	2.96			Khá
3	40.0009.K40A	NGUYỄN THỊ THU DUNG	111104621	Nữ	18/11/85	Thái Nguyên		11			180	2.70			Khá
4	40.0287.K40E	TRỊNH VIỆT DŨNG	111104621		09/06/84	Hà Nội		09			180	2.25			TB Khá
5	40.0020.K40A	NGUYỄN VĂN HẬU	111104621		02/10/83	Bắc Giang		09			180	2.46			TB Khá
6	40.0295.K40E	TRỊNH VĂN HIỆP	111104621		01/05/84	Thái Bình		09			180	2.16			Trung Bình
7	40.0098.K40B	HOÀNG VĂN HÙNG	111104621		01/04/85	Thanh Hóa		09			180	2.38			TB Khá
8	40.0917.K40P	TRIỆU QUÝ HUY	111104621		05/05/83	Yên Bái		01			180	2.48			TB Khá
9	40.0926.K40P	LÊ VĂN LỢI	111104621		19/04/85	Nam Định		09			180	2.08			Trung Bình
10	40.0591.K40I	NGUYỄN HẢI NAM	111104621		08/01/84	Thái Nguyên		11			180	2.07			Trung Bình
11	40.0993.K40Q	NGUYỄN VĂN PHÚC	111104621		03/02/86	Thanh Hóa		09			180	2.72			Khá
12	40.0995.K40Q	CAO DUY QUYỀN	111104621		14/01/86	Vĩnh Phúc		09			180	2.24			TB Khá
13	40.0999.K40Q	HÁN VĂN SƠN	111104621		22/03/83	Vĩnh Phúc		06			180	2.30			TB Khá
14	40.0802.K40M	NGUYỄN VĂN THANH	111104621		20/06/85	Hưng Yên		09			180	2.33			TB Khá
15	40.0870.K40N	LÝ TẤT THÀNH	111104621		15/09/85	Thái Nguyên		01			180	2.64			Khá
16	40.0611.K40I	QUÁCH VĂN THỌ	111104621		06/10/83	Phú Thọ		09			180	2.35			TB Khá
17	40.0130.K40B	TRẦN THANH THỦY	111104621	Nữ	24/10/86	Hà Nội		10			180	2.58			Khá
18	40.0811.K40M	NGUYỄN DUY TIỀN	111104621		10/06/86	Bắc Ninh		09			180	2.63			Khá
19	40.0615.K40I	NGUYỄN HẢI TRIỀU	111104621		20/09/84	Bắc Giang		08			180	2.24			TB Khá
20	40.0053.K40A	NGUYỄN VĂN TRÌNH	111104621		05/05/86	Thái Bình		09			180	2.32			TB Khá
21	40.0473.K40G	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	111104621		26/05/86	Thái Nguyên		09			180	2.42			TB Khá
22	40.0821.K40M	LÊ SỸ TÚ	111104621		15/03/86	Nghệ An		06			180	2.21			TB Khá
23	40.1209.K40V	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	111104621		21/04/86	Hà Nội		09			180	2.31			TB Khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
24	40.0618.K40I	VÕ VĂN VIÊN	111104621		27/02/84	Hà Nội		09			180	2.16			Trung Bình
25	40.0343.K40E	PHẠM ANH VŨ	111104621		06/09/86	Hưng Yên		10			180	2.54			Khá

NGƯỜI LẬP

Ngày 21 tháng 06 năm 2009

PHÒNG ĐÀO TẠO